TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 01- 2025
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân

2. Bà Trần Ngọc Anh

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa***: Ông Trương Minh Thiện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 619/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024, về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 515/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị N, sinh năm 1982 (vắng mặt)

2. Bị đơn: anh Lữ Văn N1, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 18/10/2024 bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Bà N và ông N1 quen biết do mai mối vào năm 1999, sau vài tháng tìm hiểu nhau về tính cảm, được cha mẹ hai bên đồng ý nên có tổ chức đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999. Đến năm 2012, vợ chồng mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 13/8/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N1 ngoại tình, và nhậu nhẹt, say sỉn về đánh bà. Khi đó bà có khuyên ông N1 nhưng ông không chịu thay đổi, vì các con nên bà chịu đựng sống chung, tuy

nhiên mâu thuẫn trên của vợ chồng vẫn tiếp tục kéo dài đến ngày 30/8/2022 thì ông N1 tự ý bỏ nhà đi, bà và ông N1 chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Lữ Văn N1.

Về con chung: bà và ông N1 có 02 con chung tên Lữ Quốc T sinh năm 2001, đã trưởng thành tự lập được, không yêu cầu Toà án giải quyết; Đối với Lữ Thị M, sinh ngày 09/12/2007 hiện đang sống với bà N nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

- Bị đơn ông Lữ Nhân V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của bà N và ông N1 được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nay bà N yêu cầu ly hôn với ông N1 và yêu cầu nuôi con chung là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông N1 nên xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: ông Lữ Văn N1 là bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông N1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông N1. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện,

hôn nhân của ông bà được xác lập năm 2012 trên cơ sở tự tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2022 đến nay, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng trong thời gian sau khi ly thân mà ông bà mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, bà N yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nuôi con chung: ông, bà có 02 con chung tên Lữ Quốc T, sinh năm 2001 đã trưởng thanh tự lập được, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với Lữ Thị M, sinh ngày 09/12/2007 hiện đang sống với bà N. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu M do bà N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, đảm bảo phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ; nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần giao con chung cho bà N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến thành niên hoặc tự lập được, ông N1 không phải cấp dưỡng cho con. Bà N phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi ông N1 đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, bà N không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì ông N1 có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày của đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà N và ông N1 phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo qui định pháp luật. ông N1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N.

1. Về hôn nhân: bà Lê Thị N được ly hôn với ông Lữ Văn N1.

2. Về con chung: giao cho bà Lê Thị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Lữ Thị M, sinh ngày 09/12/2007 đến thành niên hoặc tự lập được; ông Lữ Văn N1 không phải cấp dưỡng cho con.

Bà Lê Thị N phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi ông N1 đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Đối với Lữ Quốc T, sinh năm 2001 đã trưởng thanh tự lập được nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị N phải chịu án phí hôn nhân, gia đình là 300.000 đồng, được trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011539 ngày 30/10/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (đã nộp đủ). Ông N1 không phải chịu án phí.

Đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã P, huyện P, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Bích Tuyền